

Số: 2056/PMC - VG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2018

V/v: Thay đổi toa theo TT01/2018

Kính gửi: Quý khách hàng

Công ty xin thông báo mặt hàng:

CARBOTRIM kể từ lô 0140718 sẽ thay đổi mẫu toa theo TT01/2018 (mẫu toa đính kèm)

Đơn giá bán buôn không thay đổi:

Số TT	Mã số	Mặt hàng	ĐVT	Đơn giá bán buôn (VNĐ)	Qui cách đóng gói
1	0056	CARBOTRIM	Vi	5.200	Thùng/ 40 Hộp/ 10 Vi/ 8 Viên

Đơn giá bán buôn mặt hàng trên không bao gồm thuế GTGT 5%; đã đăng ký tại Cục Quản lý Dược- Bộ Y Tế.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD;
- Phòng KD, TT, KH, CNTT
- Kho TP1, TP2
- Ban CSKH
- P.TCKT
- Lưu: HCQT (VT), Ban VG (T.Trang).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Trung



# MẪU MỚI



**THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN THUỐC**

## Carbotrim

**ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM.  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.  
NEU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.  
THÔNG BÁO NGAY CHO BÁC SĨ HOẶC DƯỢC SĨ NHỮNG TÁC DỤNG  
KHÔNG MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC.**

### 1. Thành phần công thức thuốc

- Thành phần hoạt chất:
  - Sulfamethoxazol .....200 mg
  - Trimethoprim .....40 mg
  - Than hoạt .....100 mg
- Thành phần tá dược: Đường RE, povidon, magnesi stearat, talc, natri starch glycolat, shellac, gôm arabic, titan dioxyd, carnauba sáp vừa đủ 1 viên bao đường.

### 2. Dạng bào chế

- Viên nén.
- Viên nén bao đường tròn, màu trắng nhân màu đen, không mùi, vị đắng.

### 3. Chỉ định

Trị tiêu chảy do nhiễm trùng hoặc do ngộ độc thức ăn.

### 4. Cách dùng và Liều dùng

Nên uống với nhiều nước.

- Người lớn: mỗi lần 2 viên, 3 - 4 lần/ ngày.
- Trẻ em 5 - 15 tuổi: mỗi lần 1 - 2 viên, 2 lần/ ngày.

### 5. Chống chỉ định

- Dị ứng với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Trẻ em dưới 5 tuổi.

### 6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

- Phụ nữ mang thai, phụ nữ cho con bú.
- Bệnh đường ruột mạn.

### 7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Xem mục Lưu ý - Thận trọng

### 8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc

Chưa thấy báo cáo.

### 9. Tương tác của thuốc: Than hoạt có thể làm giảm sự hấp thu các thuốc khác.

### 10. Tương kỵ của thuốc: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

### 11. Tác dụng không mong muốn của thuốc

Có thể xảy ra dị ứng da, buồn nôn, nôn, chán ăn.

### 12. Quá liều và cách xử trí

- Quá liều: Buồn nôn, nôn, nhức đầu, chóng mặt.
- Cách xử trí: Chuyển ngay đến bệnh viện để được xử lý kịp thời.

### 13. Đặc tính dược lực học

- Sulfamethoxazol có cấu trúc tương tự p-aminobenzoic acid (PABA). Thuốc ức chế tổng hợp acid dihydrofolic của vi khuẩn do cạnh tranh với PABA.
- Trimethoprim ức chế enzym dihydrofolate reductase. Thuốc ức chế biến đổi acid dihydrofolic của vi khuẩn thành acid tetrahydrofolic chất cần thiết cho sự tổng hợp ADN.
- Than hoạt hấp phụ chất khí và chất độc ở đường tiêu hóa.

### 14. Đặc tính dược động học

- Sulfamethoxazol hấp thu tốt từ đường tiêu hóa và được phân phối vào hầu hết các mô của cơ thể. Khoảng 70% gắn kết với protein trong máu. Thời gian bán thải khoảng 6 - 12 giờ. Sulfamethoxazol thải trừ chủ yếu ở thận, phần lớn còn hoạt tính.
- Trimethoprim hấp thu tốt và hoàn toàn từ đường tiêu hóa. Khoảng 45% gắn kết với protein huyết tương. Trimethoprim phân phối đến hầu hết các mô và dịch. Thời gian bán thải khoảng 8 - 11 giờ. Trimethoprim thải trừ chủ yếu ở thận.

### 15. Quy cách đóng gói:

Hộp 10 vỉ x 8 viên bao đường.

### 16. Điều kiện bảo quản

Ở nhiệt độ không quá 30°C.

### 17. Hạn dùng

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

### 18. Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc: TCCS

### 19. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

367 Nguyễn Trãi, Q. 1, TP. HCM, Việt Nam.

Sản xuất tại nhà máy GMP - WHO

1/67 Nguyễn Văn Quá, Quận 12, TP. HCM, Việt Nam.



